

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**QUÝ 2 NĂM 2013**

Đơn vị tính: Đồng.

| CHỈ TIÊU                                                           | Mã Số | Thuyết minh | Quý 2           |                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm |                 |
|--------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|--------------------------------|-----------------|
|                                                                    |       |             | Năm nay         | Năm trước       | Năm nay                        | Năm trước       |
| 1                                                                  | 2     | 3           | 4               | 5               | 6                              | 7               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                          | 01    | VI.2        | 429.229.122.872 | 266.493.578.606 | 828.987.811.516                | 633.934.369.700 |
| 2. Các khoản giảm trừ                                              | 03    |             | 2.749.383.478   | 5.429.689.488   | 5.228.981.270                  | 7.842.616.335   |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)  | 10    |             | 426.479.739.394 | 261.063.889.118 | 823.758.830.246                | 626.091.753.365 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                                | 11    | VI.2        | 412.592.834.034 | 242.026.113.290 | 796.316.262.307                | 585.551.472.364 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)    | 20    |             | 13.886.905.360  | 19.037.775.828  | 27.442.567.939                 | 40.540.281.001  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                                   | 21    | VI.2        | 5.517.408.470   | 666.385.377     | 6.410.465.983                  | 2.235.354.720   |
| 7. Chi phí tài chính                                               | 22    | VI.2        | 13.083.469.646  | 12.963.860.974  | 21.799.349.277                 | 25.686.094.287  |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                                        | 23    |             | 8.712.059.816   | 12.453.443.454  | 16.921.025.881                 | 24.351.864.560  |
| 8. Chi phí bán hàng                                                | 24    |             | 2.909.437.550   | 2.378.515.504   | 6.092.164.876                  | 4.900.084.656   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                                    | 25    |             | 3.406.133.478   | 4.133.652.553   | 6.337.557.667                  | 7.341.414.881   |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30    |             | 5.273.156       | 228.132.174     | 376.037.898                    | 4.848.041.897   |
| 11. Thu nhập khác                                                  | 31    |             | 1.201.923.042   | 1.350.055.318   | 2.215.722.558                  | 2.407.863.671   |
| 12. Chi phí khác                                                   | 32    |             | 660.409.885     | 17.005.272      | 1.272.365.479                  | 3.170.133.252   |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                  | 40    |             | 541.513.157     | 1.333.050.046   | 943.357.079                    | (762.269.581)   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40+50)            | 50    |             | 546.786.313     | 1.561.182.220   | 567.319.181                    | 4.085.772.316   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                   | 51    | VI.3        | 580.042.155     | 417.388.134     | 1.041.045.743                  | 1.236.177.310   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                    | 52    |             | -               | -               | -                              | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61+62)                          | 60    |             | (33.255.842)    | 1.143.794.086   | (473.726.562)                  | 2.849.595.006   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                       | 70    |             |                 |                 |                                |                 |

LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

NGUYỄN ANH KIẾT

LÊ THỊ THÚY NGÀ

NGUYỄN ĐỨC HẢI

